

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 07 – 3 - 2018

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Tuấn Khanh

Ông Nguyễn Văn Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Nhân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Kim Ngân -Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 535/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Thị Kim H, sinh năm: 1993 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp BP, xã BPX, huyện CM, tỉnh AG.

- Bị đơn: Hạ Thanh T (Mi), sinh năm: 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã BT, huyện BD, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn xin ly hôn đề ngày 04/10/2017 và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn chị Lê Thị Kim H trình bày:

Chị và anh Hạ Thanh T chung sống năm 2013, đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã BT, huyện BD, tỉnh BT. Quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 9 năm 2015 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T không có lo cuộc sống gia đình, thường xuyên uống rượu, thường xuyên cự cãi. Chị và anh T ly thân từ tháng 10 năm 2017 đến nay, cả hai sống riêng không có hàn gắn lại tình cảm. Quá trình chung sống chị với anh T có với nhau 01 con chung Hạ Bảo N, sinh ngày: 07/9/2015 hiện chị đang nuôi dưỡng. Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Chị Lê Thị Kim H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Được ly hôn với anh Hạ Thanh T (Mi).
- Về con chung: Ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Tâm cấp dưỡng nuôi con chung.
- Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, chị H vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, không hàn gắn, đoàn tụ lại với anh T.

*Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 08/01/2018, bị đơn anh Hạ Thanh T (Mi) trình bày:

Anh và chị Lê Thị Kim H chung sống năm 2013, đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã BT, huyện BD, tỉnh BT. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 09 năm 2017 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh có uống rượu có đánh vợ 01 bạt tay vì anh đi uống rượu về nhà chị H chửi anh. Anh và chị H ly thân từ tháng 10 năm 2017 đến nay, cả hai sống riêng không có hàn gắn lại tình cảm. Quá trình chung sống anh với chị H có

với nhau 01 con chung Hạ Bảo N, sinh ngày: 07/9/2015 hiện chị H đang nuôi dưỡng. Tài sản chung và nợ chung: Không có. Nay chị H yêu cầu được ly hôn với anh, anh không đồng ý vì còn thương vợ muốn hàn gắn lại, đoàn tụ lại. Con chung ly hôn anh đồng ý để chị H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh không cấp dưỡng. Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Anh T yêu cầu xét xử vắng mặt anh theo đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 08/01/2018.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thực hiện đúng, đầy đủ về thời gian và gửi thông báo thụ lý vụ án theo quy định tại Điều 196, 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn trong vụ án đã chấp hành đúng và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, anh T vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 08/01/2018, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh T là phù hợp, đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Kim H. Con chung để chị H được tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh T khai thống nhất không có nên không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Hạ Thanh T (Mi) có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 08/01/2018. Căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị Kim H và anh Hạ Thanh T (Mi) chung sống năm 2013, đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã BT, huyện BD, tỉnh BT, phù hợp quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cả hai chung sống hạnh phúc đến tháng 9 năm 2015 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân, chị H và anh T khai thống nhất, do anh T thường hay uống rượu, vợ chồng thường xuyên cự cãi và anh T có đánh chị H. Tại biên bản hòa giải ngày 08/01/2018 anh T thừa nhận điều này. Cả hai ly thân từ tháng 10 năm 2017 đến nay, mạnh ai nấy sống, không quan tâm nhau, không hàn gắn lại tình cảm. Chị H yêu cầu được ly hôn với anh T. Anh T không đồng ý ly hôn vì còn thương chị H, yêu cầu được hàn gắn, đoàn tụ lại và khắc phục, sửa chữa bản thân nhưng không được chị H đồng ý và chấp nhận. Quá trình giải quyết vụ án anh T có yêu cầu cho anh 01 thời gian để hàn gắn, đoàn tụ lại với chị H nhưng đến nay vẫn không thành. Điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét thấy, yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh T là có căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung:

Chị H và anh T khai thống nhất quá trình chung sống vợ chồng anh chị có với nhau 01 con chung Hạ Bảo N, sinh ngày: 07/9/2015 hiện chị H đang nuôi

dưỡng. Đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 08/01/2018 anh T đồng ý để chị H nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con chung của chị H và anh T sau khi ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Chị H nuôi dưỡng con chung không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị H nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không xem xét giải quyết là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh T khai thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Lê Thị Kim H phải chịu theo luật định là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Lê Thị Kim H.
2. Chị Lê Thị Kim H được ly hôn với anh Hạ Thanh T (Mì).

3. Về con chung: Chị Lê Thị Kim H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Hạ Bảo N, sinh ngày: 07/9/2015. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong thời gian con chung của chị H và anh T chưa thành niên, chị H có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung. Anh T không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

4. Tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Kim H và anh Hạ Thanh T (Mi) khai thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

5. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Lê Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0006274 ngày 13/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, chị H đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn chị Lê Thị Kim H có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn anh Hạ Thanh T (Mi) vắng mặt tại phiên Tòa cũng có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
(Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA)
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại;
- UBND xã BT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Phương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

.....-

Nguyễn Hồng Phương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

.....-

Nguyễn Hồng Phương